

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG VIỆT YTS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG VIỆT YTS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YTS TRUNG VIET IMPORT & EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: YTS TRUNG VIET

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110221185

**3. Ngày thành lập:** 04/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 5, Thôn Tòng Lệnh, Xã Tòng Bạt, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948089996

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                | 4631        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                            | 4632        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                              | 4633        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: -Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (trừ kinh doanh dược phẩm).                                               | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                               | 4659        |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Không gồm các hoạt động Dịch vụ báo cáo Tòa án; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản)<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm) | 8299(Chính) |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201        |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                           | 6202        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                               | 6209        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                             | 6311 |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                       | 7320 |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Không gồm Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán).                                                                                                 | 7490 |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                              | 4711 |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                              | 4721 |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 22. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                 | 1079 |
| 23. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                               | 4781 |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa<br>(loại trừ bốc xếp hàng hoá hàng không)                                                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4759 |
| 30. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm chức năng; Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; Bán lẻ nước hoa, vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 09/06/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001196005056

Ngày cấp: 24/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 5, Thôn Tòng Lệnh, Xã Tòng Bạt, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 5, Thôn Tòng Lệnh, Xã Tòng Bạt, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/06/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001196005056

Ngày cấp: 24/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 5, Thôn Tòng Lệnh, Xã Tòng Bạt, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 5, Thôn Tòng Lệnh, Xã Tòng Bạt, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội